



NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
*BANK FOR INVESTMENT AND
DEVELOPMENT OF VIETNAM, JSC.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 510/BIDV-TTĐVKH
Vv CBTT định kỳ về tình hình thanh toán
gốc, lãi trái phiếu
*Re: periodically information disclosure on
bond's principal and interest payments*

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2026
Hanoi, January 20th, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ *PERIODICALLY INFORMATION DISCLOSURE*

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

To:

- *State Securities Commission;*
- *Vietnam Stock Exchange;*
- *Ho Chi Minh Stock Exchange;*
- *Hanoi Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam/*Bank for Investment and Development of Vietnam, JSC.* (BIDV)

- Mã chứng khoán/*Stock code*: BID
- Địa chỉ/*Address*: Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội/*BIDV Tower, 194 Tran Quang Khai road, Hoan Kiem ward, Ha Noi*
- Điện thoại liên hệ/*Tel*: (84-24) 2220 5544 Fax: (84-24) 2220 0399
- E-mail: nhadautu@bidv.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) công bố thông tin định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu do BIDV phát hành kỳ báo cáo năm 2025 như đính kèm.

Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) announced periodic report on bond issued by BIDV's principal and interest payments for the 2025 reporting period as attached.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của ngân hàng vào ngày 21/01/2026 tại đường dẫn <https://www.bidv.com.vn/vn/quan-he-nha-dau-tu>/*This information was published on the bank's website on 21/01/2026, as in the links https://www.bidv.com.vn/en/quan-he-nha-dau-tu.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law./* Q/2

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE
INFORMATION
SENIOR EXECUTIVE VICE PRESIDENT

Nơi nhận/Recipient:

- Như trên/*As above;*

- Lưu: TK&QHCD,

TTDVKH, VP/

Archive: Secretariat &

Investor Relations, Customer

Service Center, BIDV Office.



Trần Long

Số: 2107/BC-BIDV

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2026
Hanoi, January 20th, 2026

BÁO CÁO

Định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp
PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND'S PRINCIPAL AND INTEREST PAYMENTS

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

To:

- State Securities Commission;
- Vietnam Stock Exchange;
- Hanoi Stock Exchange.
- Ho Chi Minh Stock Exchange;

I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu/Report on bond principal and interest payments

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025)/Reporting period from January 1, 2025 to December 31, 2025

STT (No.)	Mã trái phiếu (Bond code)	Kỳ hạn (năm) Period (years)	Ngày phát hành (Issue date)	Ngày đáo hạn (Maturity date)	Số dư đầu kỳ (VND) (Opening balance)		Thanh toán trong kỳ (VND) (Payment during the period)		Dư nợ cuối kỳ (VND) (Closing balance)	
					Gốc (Principal)	Lãi (Interest)	Gốc (Principal)	Lãi (Interest)	Gốc (Principal)	Lãi (Interest)
1	BID123002	7	16/01/2023	16/01/2030	79.520.000.000	-	79.520.000.000	4.983.518.400	-	-
2	BID123003	8	16/01/2023	16/01/2031	100.000.000	-	-	6.367.000	100.000.000	-
3	BID123004	10	16/01/2023	16/01/2033	300.000.000.000	-	-	19.404.000.000	300.000.000.000	-
4	BID122004	8	25/01/2022	25/01/2030	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000	58.460.000.000	-	-
5	BID122005	10	25/01/2022	25/01/2032	157.027.200.000	-	-	9.336.837.312	157.027.200.000	-
Tổng/Total					1.536.647.200.000	-	1.079.520.000.000	92.190.722.712	457.127.200.000	-

II. Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư/Report on bond ownership according to the type of investors

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025)/Reporting period from January 1, 2025 to December 31, 2025

Loại nhà đầu tư (Type of investors)	Dư nợ đầu kỳ (Opening balance)		Thay đổi trong kỳ (Changes during the period)		Dư nợ cuối kỳ (Closing balance)	
	Giá trị (VND) (Value)	Tỷ trọng (%) (Percentage)	Giá trị (VND) (Value)	Tỷ trọng (%) (Percentage)	Giá trị (VND) (Value)	Tỷ trọng (%) (Percentage)
I. Nhà đầu tư trong nước/Domestic investors	1.535.147.200.000	99,90	(1.079.020.000.000)	(0,12)	456.127.200.000	99,78
I.1. Nhà đầu tư có tổ chức/Institutional investors	1.295.508.300.000	84,31	(925.508.300.000)	(3,37)	370.000.000.000	80,94
a) Tổ chức tín dụng*/Credit institutions	-	-	-	-	-	-
b) Quỹ đầu tư /Investment funds	22.200.000	-	(22.200.000)	-	-	-
c) Công ty chứng khoán/Securities companies	881.438.100.000	57,37	(881.438.100.000)	(57,37)	-	-
d) Công ty Bảo hiểm/Insurance companies	300.000.000.000	19,52	-	46,11	300.000.000.000	65,63
đ) Các tổ chức khác/Other organisations	114.048.000.000	7,42	(44.048.000.000)	7,89	70.000.000.000	15,31
2. Nhà đầu tư cá nhân/Individual investors	239.638.900.000	15,59	(153.511.700.000)	3,25	86.127.200.000	18,84
II. Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investors	1.500.000.000	0,10	(500.000.000)	0,12	1.000.000.000	0,22
I.1. Nhà đầu tư có tổ chức/Institutional investors	-	-	-	-	-	-
a) Tổ chức tín dụng*/Credit institutions	-	-	-	-	-	-
b) Quỹ đầu tư /Investment funds	-	-	-	-	-	-
c) Công ty chứng khoán/Securities companies	-	-	-	-	-	-
d) Công ty Bảo hiểm/Insurance companies	-	-	-	-	-	-
đ) Các tổ chức khác/Other organisations	-	-	-	-	-	-
2. Nhà đầu tư cá nhân/Individual investors	1.500.000.000	0,10	(500.000.000)	0,12	1.000.000.000	0,22
Tổng/Total	1.536.647.200.000	100,00	(1.079.520.000.000)	-	457.127.200.000	100

* Tổ chức tín dụng bao gồm: ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân/Credit institutions include: commercial banks, finance companies, financial leasing companies, microfinance institutions, people's credit funds.

Ghi chú/Note:

- Dữ liệu báo cáo là dữ liệu trái phiếu BIDV phát hành ra công chúng/Reported data pertains to bond issued by BIDV to the public. /.

Nơi nhận (...):

Recipients:

- Như trên/as above ;
- Lưu: TTDVKH, VP
/Archived: Customer
Service Center, BIDV
Office

TL. TỔNG GIÁM ĐỐC

By order of Chief Executive Officer

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

For Senior Vice President Head, H.O Customer Service Center

PHÓ GIÁM ĐỐC

Senior Vice President Deputy Head, H.O Customer Service Center



Bùi Thị Hương



Số: 2108/BIDV-TTĐVKH

V/v Công bố thông tin định kỳ về tình hình
thanh toán gốc, lãi trái phiếu riêng lẻ

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam gửi nội dung công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu năm 2025 như sau:

1. Thông tin doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Tên viết tắt: BIDV
- Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100150619 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/04/1993, cấp thay đổi lần thứ 28 ngày 03/01/2024.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ/Tel: (84-24) 2220 5544 Fax: (84-24) 2220 0399
- E-mail: nhadautu@bidv.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty đại chúng
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Tín dụng
- Mã số thuế: 0100150619

2. Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu định kỳ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:

- Kỳ báo cáo: năm 2025 (từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025)
- Ngày thống kê: 31/12/2025

(Số liệu không bao gồm các thanh toán gốc, lãi về mua lại trái phiếu)

STT	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành theo mệnh giá (đồng)	Giá trị dư nợ gốc theo mệnh giá tại cuối ngày thống kê	Trả lãi/Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa	Ngày thanh toán theo kế hoạch	Ngày thanh toán thực tế	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm)	Số tiền phải thanh toán (đồng) (1) = (2)+(3)+(4)	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) (2)	Trường hợp doanh nghiệp chậm thanh toán gốc hoặc lãi trái phiếu			
											Số tiền đã thanh toán chậm (3)	Số tiền chưa thanh toán (4)	Lý do chậm thanh toán gốc lãi	Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nếu cụ thể kết quả đàm phán)
1	BID12206	200.000.000.000	200.000.000.000	Trả lãi	06/05/2025	06/05/2025	06/05/2025	5,88	11.760.000.000	11.760.000.000				
2	BID12404	950.000.000.000	950.000.000.000	Trả lãi	10/05/2025	12/05/2025	12/05/2025	5,78	54.910.000.000	54.910.000.000				
3	BID12116	800.000.000.000	800.000.000.000	Trả lãi	21/05/2025	21/05/2025	21/05/2025	6,90	55.200.000.000	55.200.000.000				
4	BID12405	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	Trả lãi	21/05/2025	21/05/2025	21/05/2025	6,50	65.000.000.000	65.000.000.000				
5	BID12406	245.000.000.000	245.000.000.000	Trả lãi	22/05/2025	22/05/2025	22/05/2025	5,78	14.161.000.000	14.161.000.000				
6	BID12407	50.000.000.000	50.000.000.000	Trả lãi	22/05/2025	22/05/2025	22/05/2025	5,93	2.965.000.000	2.965.000.000				
7	BID12408	50.000.000.000	50.000.000.000	Trả lãi	24/05/2025	26/05/2025	26/05/2025	5,78	2.890.000.000	2.890.000.000				
8	BID12409	300.000.000.000	300.000.000.000	Trả lãi	24/05/2025	26/05/2025	26/05/2025	5,93	17.790.000.000	17.790.000.000				
9	BID2_RL20.14	500.000.000.000	500.000.000.000	Trả lãi	26/05/2025	26/05/2025	26/05/2025	7,95	39.750.000.000	39.750.000.000				

STT	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành theo mệnh giá (đồng)	Giá trị dư nợ gốc theo mệnh giá tại cuối ngày thống kê	Trả lãi/ Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa	Ngày thanh toán theo kế hoạch	Ngày thanh toán thực tế	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm)	Số tiền phải thanh toán (đồng) (1) = (2)+(3)+(4)	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) (2)	Trường hợp doanh nghiệp chậm thanh toán gốc hoặc lãi trái phiếu			
											Số tiền đã thanh toán chậm (3)	Số tiền chưa thanh toán (4)	Lý do chậm thanh toán gốc lãi	Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nếu cụ thể kết quả đàm phán)
10	BID12410	700.000.000.000	700.000.000.000	Trả lãi	28/05/2025	28/05/2025	28/05/2025	5,78	40.460.000.000	40.460.000.000				
11	BID12411	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Trả lãi	29/05/2025	29/05/2025	29/05/2025	5,88	117.600.000.000	117.600.000.000				
12	BID12412	200.000.000.000	200.000.000.000	Trả lãi	30/05/2025	30/05/2025	30/05/2025	6,50	13.000.000.000	13.000.000.000				
13	BID12413	50.000.000.000	50.000.000.000	Trả lãi	30/05/2025	30/05/2025	30/05/2025	5,78	2.890.000.000	2.890.000.000				
14	BID12414	100.000.000.000	100.000.000.000	Trả lãi	30/05/2025	30/05/2025	30/05/2025	6,50	6.500.000.000	6.500.000.000				
15	BID12415	3.500.000.000.000	3.500.000.000.000	Trả lãi	07/06/2025	09/06/2025	09/06/2025	6,08	212.800.000.000	212.800.000.000				
16	BID12416	720.000.000.000	720.000.000.000	Trả lãi	17/06/2025	17/06/2025	17/06/2025	5,78	41.616.000.000	41.616.000.000				
17	BID12417	150.000.000.000	150.000.000.000	Trả lãi	17/06/2025	17/06/2025	17/06/2025	5,88	8.820.000.000	8.820.000.000				
18	BID12117	120.000.000.000	120.000.000.000	Trả lãi	23/06/2025	23/06/2025	23/06/2025	6,90	8.280.000.000	8.280.000.000				
19	BID12243	14.000.000.000	14.000.000.000	Trả lãi	22/06/2025	23/06/2025	23/06/2025	5,68	795.200.000	795.200.000				
20	BID12119	5.000.000.000	5.000.000.000	Trả lãi	25/06/2025	25/06/2025	25/06/2025	5,68	284.000.000	284.000.000				
21	BID2_RL20.35	230.000.000.000	230.000.000.000	Trả lãi	25/06/2025	25/06/2025	25/06/2025	7,70	17.710.000.000	17.710.000.000				
22	BID12418	400.000.000.000	400.000.000.000	Trả lãi	26/06/2025	26/06/2025	26/06/2025	5,93	23.720.000.000	23.720.000.000				
23	BID12419	180.000.000.000	180.000.000.000	Trả lãi	27/06/2025	27/06/2025	27/06/2025	5,78	10.404.000.000	10.404.000.000				
24	BID12420	150.000.000.000	150.000.000.000	Trả lãi	27/06/2025	27/06/2025	27/06/2025	5,93	8.895.000.000	8.895.000.000				
25	BID12121	50.000.000.000	50.000.000.000	Trả lãi	29/06/2025	30/06/2025	30/06/2025	6,90	3.450.000.000	3.450.000.000				
26	BID12246	200.000.000.000	200.000.000.000	Trả lãi	29/06/2025	30/06/2025	30/06/2025	5,98	11.960.000.000	11.960.000.000				
27	BID12421	100.000.000.000	100.000.000.000	Trả lãi	05/07/2025	07/07/2025	07/07/2025	5,88	5.880.000.000	5.880.000.000				
28	BID12422	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	Trả lãi	05/07/2025	07/07/2025	07/07/2025	5,88	58.800.000.000	58.800.000.000				
29	BID12423	450.000.000.000	450.000.000.000	Trả lãi	09/07/2025	09/07/2025	09/07/2025	5,78	26.010.000.000	26.010.000.000				
30	BID12424	50.000.000.000	50.000.000.000	Trả lãi	09/07/2025	09/07/2025	09/07/2025	5,88	2.940.000.000	2.940.000.000				
31	BID12131	24.000.000.000	24.000.000.000	Trả lãi	16/07/2025	16/07/2025	16/07/2025	5,68	1.363.200.000	1.363.200.000				
32	BID12425	105.000.000.000	105.000.000.000	Trả lãi	17/07/2025	17/07/2025	17/07/2025	5,78	6.069.000.000	6.069.000.000				
33	BID12426	50.000.000.000	50.000.000.000	Trả lãi	17/07/2025	17/07/2025	17/07/2025	5,88	2.940.000.000	2.940.000.000				
34	BID12307	460.000.000.000	460.000.000.000	Trả lãi	21/07/2025	21/07/2025	21/07/2025	7,60	34.960.000.000	34.960.000.000				
35	BID12427	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	Trả lãi	23/07/2025	23/07/2025	23/07/2025	5,88	88.200.000.000	88.200.000.000				
36	BID12326	700.000.000.000	700.000.000.000	Trả lãi	24/07/2025	24/07/2025	24/07/2025	7,70	53.900.000.000	53.900.000.000				
37	BID12122	300.000.000.000	300.000.000.000	Trả lãi	27/07/2025	28/07/2025	28/07/2025	5,68	17.040.000.000	17.040.000.000				
38	BID12237	25.000.000.000	25.000.000.000	Trả lãi	26/07/2025	28/07/2025	28/07/2025	5,78	1.445.000.000	1.445.000.000				
39	BID12238	100.000.000.000	100.000.000.000	Trả lãi	26/07/2025	28/07/2025	28/07/2025	7,00	7.000.000.000	7.000.000.000				
40	BID12102	800.000.000.000	800.000.000.000	Trả lãi	29/07/2025	29/07/2025	29/07/2025	5,68	45.440.000.000	45.440.000.000				
41	BID12124	90.000.000.000	90.000.000.000	Trả lãi	29/07/2025	29/07/2025	29/07/2025	5,68	5.112.000.000	5.112.000.000				
42	BID12125	50.000.000.000	50.000.000.000	Trả lãi	29/07/2025	29/07/2025	29/07/2025	6,90	3.450.000.000	3.450.000.000				

STT	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành theo mệnh giá (đồng)	Giá trị dư nợ gốc theo mệnh giá tại cuối ngày thống kê	Trả lãi/Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa	Ngày thanh toán theo kế hoạch	Ngày thanh toán thực tế	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm)	Số tiền phải thanh toán (đồng) (1) = (2)+(3)+(4)	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) (2)	Trường hợp doanh nghiệp chậm thanh toán gốc hoặc lãi trái phiếu			
											Số tiền đã thanh toán chậm (3)	Số tiền chưa thanh toán (4)	Lý do chậm thanh toán gốc lãi	Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nếu cụ thể kết quả đàm phán)
43	BID12308	500.000.000.000	500.000.000.000	Trả lãi	01/08/2025	01/08/2025	01/08/2025	7,70	38.500.000.000	38.500.000.000				
44	BID12309	200.000.000.000	200.000.000.000	Trả lãi	18/08/2025	18/08/2025	18/08/2025	5,78	11.560.000.000	11.560.000.000				
45	BID12429	540.000.000.000	540.000.000.000	Trả lãi	16/08/2025	18/08/2025	18/08/2025	5,68	30.672.000.000	30.672.000.000				
46	BID12430	2.460.000.000.000	2.460.000.000.000	Trả lãi	16/08/2025	18/08/2025	18/08/2025	5,48	134.808.000.000	134.808.000.000				
47	BID12431	900.000.000.000	900.000.000.000	Trả lãi	21/08/2025	21/08/2025	21/08/2025	5,78	52.020.000.000	52.020.000.000				
48	BID12432	95.000.000.000	95.000.000.000	Trả lãi	21/08/2025	21/08/2025	21/08/2025	5,88	5.586.000.000	5.586.000.000				
49	BID12255	27.000.000.000	27.000.000.000	Trả lãi	26/08/2025	26/08/2025	26/08/2025	5,98	1.614.600.000	1.614.600.000				
50	BID12433	100.000.000.000	100.000.000.000	Trả lãi	26/08/2025	26/08/2025	26/08/2025	5,78	5.780.000.000	5.780.000.000				
51	BID12434	392.000.000.000	392.000.000.000	Trả lãi	26/08/2025	26/08/2025	26/08/2025	5,88	23.049.600.000	23.049.600.000				
52	BID12435	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	Trả lãi	27/08/2025	27/08/2025	27/08/2025	5,88	58.800.000.000	58.800.000.000				
53	BID12436	400.000.000.000	400.000.000.000	Trả lãi	28/08/2025	28/08/2025	28/08/2025	5,78	23.120.000.000	23.120.000.000				
54	BID12437	450.000.000.000	450.000.000.000	Trả lãi	29/08/2025	29/08/2025	29/08/2025	5,78	26.010.000.000	26.010.000.000				
55	BID12438	100.000.000.000	100.000.000.000	Trả lãi	29/08/2025	29/08/2025	29/08/2025	5,78	5.780.000.000	5.780.000.000				
56	BID12439	250.000.000.000	250.000.000.000	Trả lãi	29/08/2025	29/08/2025	29/08/2025	5,88	14.700.000.000	14.700.000.000				
57	BID12440	200.000.000.000	200.000.000.000	Trả lãi	29/08/2025	29/08/2025	29/08/2025	6,50	13.000.000.000	13.000.000.000				
58	BID12101	200.000.000.000	200.000.000.000	Trả lãi	30/08/2025	03/09/2025	03/09/2025	6,90	13.800.000.000	13.800.000.000				
59	BID12328	240.000.000.000	240.000.000.000	Trả lãi	30/08/2025	03/09/2025	03/09/2025	5,78	13.872.000.000	13.872.000.000				
60	BID12329	60.000.000.000	60.000.000.000	Trả lãi	30/08/2025	03/09/2025	03/09/2025	5,88	3.528.000.000	3.528.000.000				
61	BID12150	40.000.000.000	40.000.000.000	Trả lãi	08/09/2025	08/09/2025	08/09/2025	6,90	2.760.000.000	2.760.000.000				
62	BID12257	60.000.000.000	60.000.000.000	Trả lãi	09/09/2025	09/09/2025	09/09/2025	7,20	4.320.000.000	4.320.000.000				
63	BID12441	100.000.000.000	100.000.000.000	Trả lãi	09/09/2025	09/09/2025	09/09/2025	5,78	5.780.000.000	5.780.000.000				
64	BID12442	13.000.000.000	13.000.000.000	Trả lãi	09/09/2025	09/09/2025	09/09/2025	5,88	764.400.000	764.400.000				
65	BID12349	200.000.000.000	200.000.000.000	Trả lãi	13/09/2025	15/09/2025	15/09/2025	5,88	11.760.000.000	11.760.000.000				
66	BID12152	200.000.000.000	200.000.000.000	Trả lãi	22/09/2025	22/09/2025	22/09/2025	6,90	13.800.000.000	13.800.000.000				
67	BIDL2035059	50.000.000.000	50.000.000.000	Trả lãi	24/09/2025	24/09/2025	24/09/2025	7,00	3.500.000.000	3.500.000.000				
68	BID12363	10.000.000.000	10.000.000.000	Trả lãi	29/09/2025	29/09/2025	29/09/2025	5,98	598.000.000	598.000.000				
69	BID12364	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000	Trả lãi	29/09/2025	29/09/2025	29/09/2025	5,98	179.400.000.000	179.400.000.000				
70	BIDL2035065	47.000.000.000	47.000.000.000	Trả lãi	14/10/2025	14/10/2025	14/10/2025	7,20	3.384.000.000	3.384.000.000				
71	BIDL2035063	50.000.000.000	50.000.000.000	Trả lãi	19/10/2025	20/10/2025	20/10/2025	7,00	3.500.000.000	3.500.000.000				
72	BID12365	980.000.000.000	980.000.000.000	Trả lãi	25/10/2025	27/10/2025	27/10/2025	6,20	60.760.000.000	60.760.000.000				
73	BID12366	1.520.000.000.000	1.520.000.000.000	Trả lãi	25/10/2025	27/10/2025	27/10/2025	5,38	81.776.000.000	81.776.000.000				
74	BIDL2035050	200.000.000.000	200.000.000.000	Trả lãi	29/10/2025	29/10/2025	29/10/2025	7,00	14.000.000.000	14.000.000.000				
75	BID12506	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000	Trả lãi	20/11/2025	20/11/2025	20/11/2025	6,26	37.868.712.000	37.868.712.000				

STT	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành theo mệnh giá (đồng)	Giá trị dư nợ gốc theo mệnh giá tại cuối ngày thống kê	Trả lãi/Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa	Ngày thanh toán theo kế hoạch	Ngày thanh toán thực tế	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm)	Số tiền phải thanh toán (đồng) (1) = (2)+(3)+(4)	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) (2)	Trường hợp doanh nghiệp chậm thanh toán gốc hoặc lãi trái phiếu			
											Số tiền đã thanh toán chậm (3)	Số tiền chưa thanh toán (4)	Lý do chậm thanh toán gốc lãi	Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nếu cụ thể kết quả đàm phán)
76	BID12368	732.000.000.000	732.000.000.000	Trả lãi	23/11/2025	24/11/2025	24/11/2025	5,98	43.773.600.000	43.773.600.000				
77	BID12369	10.000.000.000	10.000.000.000	Trả lãi	23/11/2025	24/11/2025	24/11/2025	6,08	608.000.000	608.000.000				
78	BID12370	100.000.000.000	100.000.000.000	Trả lãi	30/11/2025	01/12/2025	01/12/2025	7,00	7.000.000.000	7.000.000.000				
79	BID12513	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000	Trả lãi	29/11/2025	01/12/2025	01/12/2025	5,83	88.168.767.000	88.168.767.000				
80	BID12211	200.000.000.000	200.000.000.000	Trả lãi	09/12/2025	09/12/2025	09/12/2025	8,50	17.000.000.000	17.000.000.000				
81	BID12372	257.000.000.000	257.000.000.000	Trả lãi	12/12/2025	12/12/2025	12/12/2025	5,98	15.368.600.000	15.368.600.000				
82	BID12373	100.000.000.000	100.000.000.000	Trả lãi	13/12/2025	15/12/2025	15/12/2025	6,88	6.880.000.000	6.880.000.000				
83	BID2_RL19.18	100.000.000.000	100.000.000.000	Trả lãi	18/12/2025	18/12/2025	18/12/2025	6,38	6.380.000.000	6.380.000.000				
84	BID12375	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	Trả lãi	20/12/2025	22/12/2025	22/12/2025	6,18	61.800.000.000	61.800.000.000				
85	BID12302	35.000.000.000	35.000.000.000	Trả lãi	26/12/2025	26/12/2025	26/12/2025	5,98	2.093.000.000	2.093.000.000				
86	BID12212	100.000.000.000	100.000.000.000	Trả lãi	27/12/2025	29/12/2025	29/12/2025	8,50	8.500.000.000	8.500.000.000				
87	BID12303	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	Trả lãi	27/12/2025	29/12/2025	29/12/2025	5,98	59.800.000.000	59.800.000.000				
Tổng cộng			41.086.000.000.000						2.371.702.679.000	2.371.702.679.000				

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

Nơi nhận (...b):
- Như trên;
- Lưu: TTDVKH, VP.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Trần Thị Thanh Mai

TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
KT.GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
PHÓ GIÁM ĐỐC



BÙI THỊ HƯƠNG